

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

I. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn tại ITAXA:

1. Vốn chủ sở hữu:

Trong đó: - Vốn góp của chủ sở hữu : 255.000.000.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 7.720.030.632 đồng
- Nguồn vốn xây dựng cơ bản : 0 đồng

2. Tổng tài sản: 302.940.902.521 đồng.

3. Lợi nhuận sau thuế: 6.368.362.997 đồng.

4. Hiệu suất sử dụng vốn:

$$\text{- Tỷ suất LN thực hiện trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN thực hiện}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{7.839.281.440}{262.720.030.632} = 2,98\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0298 đồng lợi nhuận trước thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{6.368.362.997}{262.720.030.632} = 2,42\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0242 đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Tổng TS bình quân}} = 100\% \times \frac{6.368.362.997}{304.945.855.463} = 2,08\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng tài sản tạo ra được 0,0208 đồng lợi nhuận sau thuế.

Trong đó, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân được xác định như sau:

$$\text{Vốn chủ sở hữu bình quân} = \frac{262.720.030.632 + 262.720.030.632}{2} = 262.720.030.632 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng tài sản bình quân} = \frac{306.950.808.406 + 302.940.902.521}{2} = 304.945.855.463 \text{ đồng}$$

II. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại ITAXA:

1. Tình hình đầu tư Dự án (kèm theo Biểu 02.A): không.

2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo Biểu 02.B):

- Việc đầu tư vào Công ty con của ITAXA là Công ty Cổ phần Địa Sinh phù hợp với các quy định của pháp luật.



3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không

4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

+ Tình hình quản lý tài sản:

- * Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- * Việc trích khấu hao tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản trong kỳ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * Xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất thực hiện theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * ITAXA đã ban hành quy chế về quản lý nợ ngày 28/3/2014 theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải thu khách hàng đến ngày 30/06/2019 là: 23.068.913.263 đồng.

Trong đó:

- * *Nợ phải thu khó đòi: 5.904.537.889 đồng.*
- * *Đã trích lập dự phòng: 4.111.676.091 đồng.*
- * *Xử lý nợ khó đòi trong kỳ báo cáo: 66.851.510 đồng*

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

- * Tổng số nợ phải trả đến ngày 30/06/2019 là: 33.852.508.892 đồng.

Trong đó: Nợ phải trả quá hạn là: 0 đồng

- * Tỷ số khả năng thanh toán nợ:

$$\text{Khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{45.049.110.768}{18.423.926.346} = 2,44$$

$$\text{Khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{45.049.110.768 - 12.671.625.149}{18.423.926.346} = 1,75$$

- Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu là: 2,98%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là: 2,42%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là: 2,08%

4. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu năm 2019:

- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp.
- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng được việc thanh toán đủ và kịp thời các khoản nợ đến hạn.

IV. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, tình hình biến động của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty (kèm theo Biểu 02.Đ):

1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:
2. Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

V. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật: ITAXA tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật nhà nước bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra theo các nội dung quy định.

VI. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp: Không

VII. Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết:

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



NGUYỄN CHÂU PHÚC

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đồng)				Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động				Thực hiện đến ngày 30/06/2019			Giải ngân đến ngày 30/06/2019 (triệu đồng)		Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng	
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động		%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2018	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ		Thực hiện đến hết ngày 31/12/2018
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A Các nhóm dự án A																		
1																		
B Các nhóm dự án B																		
1																		
C Các nhóm dự án khác																		
1																		

Hội đồng thành viên
 CÔNG TY (Ký, đóng dấu)
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MỘT THÀNH VIÊN
 ITAXA
 M.S.D.N.: 0300442457
 HỒ CHÍ MINH
 QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH
 Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
 (Ký)
 Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
 (Ký)
 Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu)
 Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH 6 THÁNG NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư				Vốn Điều lệ công ty con, công ty liên kết	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu			Lợi nhuận sau thuế		Cả tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Ty lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của Cty con, Cty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Cty con, Cty liên kết	
		Kế hoạch	Năm 2018	Tại thời điểm 30/06/2019	Kế hoạch			Năm 2018	Tại thời điểm 30/06/2019	6 tháng năm 2018	6 tháng năm 2019	6 tháng năm 2018					6 tháng năm 2019
I	Dầu tư vào công ty con																
	- Công ty CP Địa Sinh		22.785	22.785		72.09%	72.09%	27.400	31.605	25.407	43.639	1.046	2.464			4.12	0.31
II	Dầu tư vào công ty liên kết																
III	Dầu tư tài chính khác																

Hội đồng thành viên
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 CÔNG TY TNHH MTV
 ITAXA
 QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH
 Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
 (Ký)
 Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
 (Ký)
 Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu)
 Nguyễn Đức Trọng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng, triệu trang

Nội dung	6 tháng năm 2017	6 tháng năm 2018	Thực hiện 6 tháng năm 2019				Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	6 tháng năm 2017	6 tháng năm 2018	Kế hoạch năm		
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3		
1. Sản lượng sản xuất (trang in offset 13x19cm)	10.351	10.856	23.500	11.102	107,26%	102,27%	47,24%		
2. Sản lượng tiêu thụ (trang in offset 13x19cm)	10.351	10.856	23.500	11.102	107,26%	102,27%	47,24%		
3. Tôn kho cuối kỳ									
B. Chỉ tiêu tài chính									
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	70.658	77.149	175.600	92.032	130,25%	119,29%	52,41%		
2. Giá vốn bán hàng	48.649	52.618		64.223	132,01%	122,06%			
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.009	24.531		27.809	126,35%	113,36%			
4. Doanh thu hoạt động tài chính	9.317	12.037	10.000	1.859	19,95%	15,44%	18,59%		
5. Chi phí tài chính		25				-100,00%			
6. Chi phí bán hàng	74	84		220	297,30%	261,90%			
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.846	25.687		24.267	111,08%	94,47%			
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.406	10.772		5.181	55,08%	48,10%			
9. Thu nhập khác	3.443	4.806	9.400	4.763	138,34%	99,11%	50,67%		
10. Chi phí khác	1.388	1.819		2.105	151,66%	115,72%			
11. Lợi nhuận khác	2.055	2.987		2.658	129,34%	88,99%			
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.461	13.759	25.200	7.839	68,40%	56,97%	31,11%		
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.253	2.733		1.471	65,29%	53,82%			
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại									
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.208	11.026	19.800	6.368	69,16%	57,75%	32,16%		

Hội đồng thành viên

(Ký, đóng dấu)

Người lập biểu

(Ký)

Kế toán trưởng

(Ký)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Châu Phúc

Trần Ngọc Thành

Đặng Thị Ngọc Hiếu



Nguyễn Đức Trọng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	2.064.777.428	4.026.842.610	5.298.696.678	792.923.360
- Thuế GTGT	-	43.934.111	119.945.261	(76.011.150)
- Thuế TNDN	728.111.533	1.470.918.443	1.504.127.499	694.902.477
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	37.060.813	37.060.813	-
- Thuế đất	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	1.336.665.895	2.474.929.243	3.637.563.105	174.032.033
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	1.783.213.600		2.014.370.292	(231.156.692)


B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2018

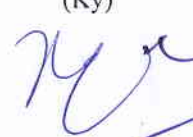
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	7.720.030.632	-	-	7.720.030.632
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	12.564.574.575	-	10.826.762.750	1.737.811.825
3. Quỹ thưởng VCQLDN	443.940.381	-	332.522.000	111.418.381
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Hội đồng thành viên
(Ký)

Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng